

### **Biểu số 3**

## **BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024**

### **I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024**

#### **1. Đánh giá về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong năm so với kế hoạch**

Công ty chấp hành tốt các chế độ chính sách, pháp luật, các văn bản chỉ thị, Nghị quyết của cấp trên, không vi phạm chế độ quản lý tài chính, thực hiện đúng chế độ báo cáo và thống kê.

Công ty chủ động điều hành, chỉ đạo sát sao từng chỉ tiêu nhiệm vụ đến các đơn vị trực thuộc trong toàn Công ty và hoàn thành tốt kế hoạch chỉ tiêu tỉnh giao.

#### **2. Thuận lợi, khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh**

##### **a, Thuận lợi**

Công ty luôn nhận được sự quan tâm của UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, các Sở, Ban, Ngành đã phối hợp, chỉ đạo và tạo mọi điều kiện thuận lợi tháo gỡ khó khăn cho Công ty thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ được giao. Các khoản phải trả cho CBCNV trong toàn Công ty và các khoản chi khác đều được thanh toán kịp thời.

##### **b, Khó khăn**

Với nhiệm vụ chính là hoạt động công ích phục vụ tưới tiêu cho nông nghiệp và dân sinh. Trong những năm gần đây, quá trình đô thị hóa tăng nhanh, dân số biến động nhiều, nhiều khu công nghiệp mới được xây dựng. Diện tích nông nghiệp có nhiều thay đổi, diện tích trồng lúa giảm, làm cho doanh thu về thủy lợi phí giảm. Mặt khác, giá dịch vụ công ích thủy lợi vẫn giữ nguyên như vậy lợi nhuận của Công ty sẽ bị giảm, thậm chí lỗ nếu không được Nhà nước bù giá hỗ trợ.

Quá trình biến đổi khí hậu nên thời tiết diễn biến phức tạp đã làm thay đổi mực nước tại các sông xuống thấp. Mặt khác, việc đô thị hóa nông thôn, sự ra đời

của các khu công nghiệp đang làm nguồn nước ngày một suy giảm gây ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hiện nay một số cơ sở hạ tầng hệ thống kênh, mương, trạm bơm của các công trình thủy lợi đã xuống cấp, kinh phí cải tạo, sửa chữa hàng năm hạn chế nên đã ảnh hưởng đến khả năng tưới tiêu phục vụ sản xuất.

**BẢNG SỐ 1: MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP**

| TT | Chỉ tiêu                                       | ĐVT     | Kế hoạch | Giá trị thực hiện (công ích) | Giá trị thực hiện của cả tổ hợp công ty mẹ - công ty con (nếu có) (*) |
|----|------------------------------------------------|---------|----------|------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|
| 1  | Kế hoạch tưới tiêu nước                        | ha      | 61.042   | 63.534                       | 63.534                                                                |
| a) | Tưới tiêu nước các đối tượng được hỗ trợ       | ha      | 58.980   | 61.195                       | 61.195                                                                |
| b) | Tưới tiêu nước các đối tượng không được hỗ trợ | ha      | 2.062    | 2.339                        | 2.339                                                                 |
| 2  | Tổng doanh thu                                 | Tỷ đồng | 131,187  | 131,187                      | 131,504                                                               |
| 3  | Lợi nhuận trước thuế                           | Tỷ đồng |          |                              | 0.0039                                                                |
| 4  | Lợi nhuận sau thuế                             | Tỷ đồng |          |                              | 0.0031                                                                |
| 5  | Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước              | Tỷ đồng |          | 0.073                        | 0.466                                                                 |
| 6  | Tổng số lao động                               | Người   | 434      | 434                          | 451                                                                   |
| 7  | Tổng quỹ lương                                 | Tỷ đồng | 55,738   | 55,568                       | 57,354                                                                |
| a) | Quỹ lương quản lý                              | Tỷ đồng | 1,255    | 1,191                        | 1,191                                                                 |
| b) | Quỹ lương lao động                             | Tỷ đồng | 54,483   | 54,377                       | 56,163                                                                |

*Lưu ý: (\*) Công ty mẹ là doanh nghiệp nhà nước cung cấp thông tin các chỉ tiêu hợp nhất của mô hình công ty mẹ - công ty con.*

**II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN** (các Dự án có tổng mức vốn từ nhóm B trở lên): Không có

**III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY CON:** Không có 